

## *Xây Dựng Gia Đình*

*Đạo vợ chồng khó lắm anh ơi!  
Không như ong bướm đậu rồi lại bay.*

Hôn nhân bắt nguồn từ sự luyến ái giữa trai gái, nó là bước đầu nảy sinh chế độ gia đình, làm nền móng cho xã hội để con người thể hiện nghĩa vụ thiêng liêng của mình: nghĩa vụ làm chồng, làm vợ, nghĩa vụ làm cha, làm mẹ, làm con, v.v....

Như chúng ta đã biết, nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước đã tạo cho trai gái một môi trường sinh hoạt *bình đẳng về tình cảm*. Họ thường có dịp gặp nhau, cùng làm việc trên đồng ruộng, vui đùa lúc nghỉ ngơi trên bờ đê, bờ giồng, sân đình, lũy tre, bờ sông, bến đò... Họ cởi mở, tự do, mạnh dạn nói lên tâm tư tình cảm của con tim.

Tục ca hát trong những ngày hội khiến trai gái vui đùa với nhau (đánh đu, kéo co, bắt trạch) qua đối đáp, trai gái có thể tìm hiểu nhau, thử thách nhau để lựa chọn người bạn đời.

*"Trai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng"*. Nếu có ai tỏ vẻ nhút nhát, các cô bác tìm cách khuyến khích trai gái dạn dĩ đối thoại với nhau, nói lên tình cảm của mình để tìm hiểu nhau. Trong những buổi hát đối đáp, nhiều câu hát ướm hỏi:

*Anh thấy em anh cũng muốn chào,  
Sợ lòng bác mẹ cây cao lá dài.*

Hoặc:

*Thuyền ai lơ lửng bên sông,  
Có lòng đợi khách hay không hỏi thuyền.*

Hay:

*Ai đi đâu đấy hỏi ai,  
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm.*

Nhiều câu hát nói lên sự gắn bó của lòng mình đối với người thương:

*Ai ơi đã quyết thì hành  
Đã đan thì lận tròn vành mới thôi.*

Hoặc:

*Ai ơi giữ chí cho bền  
Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai*

Trai gái gặp gỡ nhau thường lấy miếng trầu để làm đầu câu chuyện. Họ mời nhau:

*Yêu nhau ăn một miếng trầu,  
Gọi là nghĩa cũ về sau mà chào!*

Cùng nhau hò hát đối đáp, cùng vui chơi, gặp gỡ nhau, tìm hiểu nhau một cách tự nhiên nhưng không sàm sỡ, lẳng lơ. Đối với những anh chàng số sàng, các cô thôn nữ biết cách giới hạn, khéo léo từ chối:

*Mẹ em hằng vẫn khuyên răn  
Làm thân con gái chớ ăn trầu người..*

Không ăn trầu người tức là còn chờ sự chấp thuận của cha mẹ:

*Ngọc còn ẩn gốc cây ngâu,  
Con còn cha mẹ dám đâu tự tình.*

Mặt khác, sống trong lũy tre làng, cậu này yêu cô nọ, cô kia phải lòng anh chàng xóm trên, hoặc cô nọ gán cô này cho chàng trai xóm dưới v.v.. và v.v... Cả thôn trên xóm dưới đều biết những câu chuyện đó. Chính “tai mắt” của các cô bác, hàng xóm láng giềng khiến cho trai gái bao giờ cũng có một giới hạn giữa đôi bên. Những trò trên bực trong dâu quả thật là hiếm xảy ra trong làng.

Thường xuyên gặp gỡ dễ dàng, trai gái trao đổi với nhau những lời thương yêu, những câu hát tỏ lòng yêu đương và nói lên sự thầm yêu trộm nhớ của mình. Nhưng họ không hề phạm lỗi vì cả trai lẫn gái biết dừng đúng lúc. Hơn nữa các cô bác trong thôn xóm chỉ để cho họ buông thả với nhau đến một mức độ nào đó thôi.

Trải qua năm tháng, những cuộc tiếp xúc thân mật hồn nhiên trong sáng, đôi bên đã cùng nhau gắn bó, rồi nhờ mai mối và chờ cha mẹ tác hợp thành vợ chồng.

Nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước và lối sống quần cư hài hòa trong xóm làng tạo điều kiện cho trai gái đến với nhau bằng con tim, rồi cảm nhau bằng tình yêu chân thật, nồng nàn, say đắm, sống không thể thiếu nhau, đồng thuận lấy nhau mà thành vợ chồng:

*Đạo vợ chồng khó lắm anh ơi!  
Không như ong bướm đậu rồi lại bay.*

Quan niệm về “đạo vợ chồng” trong nền văn hóa Việt gốc nông nghiệp trồng lúa nước khác với quan niệm về “đạo vợ chồng” trong nền văn hóa Trung Quốc gốc du mục.

Theo tư tưởng Khổng Mạnh thì người con gái lúc ở nhà phải theo cha, lúc lấy chồng phải theo chồng, khi chồng chết phải theo con. Ở Trung Quốc, *người vợ trở thành kẻ nô lệ của gia đình chồng*. Khi người con gái đi lấy chồng, tất cả tài sản riêng của mình, kể cả tài sản mình tự tạo lập ra hay nhận của cha mẹ ruột của mình đều phải sát nhập hết vào gia sản của nhà chồng. Nếu ly dị hay cải giá, người vợ phải rời nhà chồng với hai bàn tay trắng. Như vậy, người vợ suốt đời phải lệ thuộc hoàn toàn nhà chồng.

Trong xã hội phong kiến kéo dài mấy nghìn năm, “*chế độ hôn nhân bao biện làm thay*”. Hôn nhân tác thành theo kiểu cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy, là sản phẩm của xã hội phong kiến là một loại hôn nhân cưỡng bức. Trong xã hội phong kiến, hai bên nam nữ đương sự của hôn nhân đều không thể tự do lựa chọn bạn đời theo ý muốn của mình mà do người thứ ba - chủ yếu là cha mẹ của hai bên (cha mẹ không còn thì anh cả) làm thay, hoàn toàn tước đoạt tất cả quyền lợi của hai bên nam nữ hôn nhân... Một chế độ cực kỳ bất hợp lý, có thể nói là tàn nhẫn. Hơn nữa chế độ đó từ thời Chu - Tần vẫn tiếp tục kéo dài đến nay thật là chuyện quái gở. (Trương Bình Trị, *Người Trung Quốc Tự Trào*. NXB Văn Học, Hà Nội năm 2002, tr 294 - 295).

Chế độ thê thiếp coi đàn bà con gái là hàng hóa. Hôn nhân mua bán đầu tiên không phân biệt thê thiếp, đến đời Chu bắt đầu chia ra, người cưới hỏi là thê, người mua bán là thiếp. Thiếp có thể bán công khai.

Các đời Đường, Tống, Minh, Thanh về mặt luật pháp có văn bản qui định về hôn nhân mua bán đã tồn tại lâu đời trong lịch sử Trung Quốc (sđd, tr 304).

Dân gian có câu *vợ mua về như con trâu ngựa, muốn cỡi thì cỡi, muốn đánh thì đánh*. Như vậy thì còn nói gì đến *vợ chồng bình đẳng* (sđd, tr 305).

Vợ là một công cụ sống, ban ngày lao động phục vụ việc nhà, ban đêm thỏa mãn tình dục, khi không nghe lời thì bị chửi mắng đánh đập. Người đàn ông có quyền cai trị, sử dụng như đối với bất cứ vật gì mua về, *căn bản không có nhân tố tình cảm giữa hai giới tính*, không có chút tình yêu, rõ ràng loại hôn nhân này là *vô đạo đức nhất*.

Ở Trung Quốc thời cổ đại đã có hiện tượng mua bán phụ nữ. Có những tầng lớp quý tộc, những người có quyền thế hoặc của cải thường thường công khai mua nhiều cô gái trẻ, ít thì mấy chục, nhiều thì hàng trăm, hàng ngàn. Sau khi mua về dùng làm nô tì, ai có nhan sắc thì làm thiếp, dùng làm đồ chơi hưởng lạc của bọn quyền quý. Khi không dùng thì có thể bán lại

hoặc chuyển cho người khác, có thể tùy ý xử sự như con súc vật. Người con gái mua về là một loại gia sản có thể cầm cố hoặc đi đánh bạc.

Hôn nhân mua bán đáng sợ như thế đó! Sau khi bán cho người ta thì có thể mặc cho người ta chà đạp, lăng nhục, ngược đãi. Mọi quyền của con người đều bị tước đoạt sạch, quả thực không bằng con vật.

Ở xã hội phong kiến, gia trưởng là người cai trị mọi thành viên trong gia đình, có quyền vô hạn, có thể cha bán con, chồng bán vợ, ông bán con dâu, thậm chí anh cả bán em (sđd, tr 306 - 309).

Sở dĩ trên đây chúng tôi phải dài dòng về hôn nhân và gia đình Trung Quốc chỉ nhằm mục đích minh xác một điều: Theo đạo vợ chồng của văn hóa Trung Quốc gốc du mục thì *người vợ trở thành kẻ nô lệ của nhà chồng*, trong gia đình “*chồng chúa vợ tôi*” với nhân sinh quan “*trọng nam khinh nữ*” trong chế độ đặt nền tảng trên quân quyền, phụ quyền và nam quyền. Trái lại, theo đạo vợ chồng trong nền văn hóa gốc nông nghiệp, nông nghiệp trồng lúa nước thì vợ chồng bình đẳng trong gia đình phân công (xem phần sau) trên nền tảng của quan niệm “*nam nữ tương thân*” (cả bầu trời tự do phá bỏ mọi ràng buộc đối với tình yêu) đưa đến hôn nhân bình đẳng (xem phần sau).

*Xét ra trong đạo vợ chồng,  
Cùng nhau nương cậy để phòng nắng mưa.*

Vợ và chồng đều bình đẳng trong nếp sống (chồng cày vợ cấy) trong giáo dục (cha khôn mẹ khéo), trong việc quản trị tài sản:

*“Rương xe chìa khóa em cầm”. “của chồng công vợ”*

Vì vậy trong mọi giấy tờ chuyển nhượng, thường có câu: *mỗ cùng với vợ mỗ*, và phía dưới là phần chữ ký hay điểm chỉ của cả hai vợ chồng.

Đạo vợ chồng trong nếp sống Việt đặt trên tình nghĩa vợ chồng (tình sâu nghĩa nặng) qua cuộc sống sinh động hàng ngày, chứ không phải là một khuôn mẫu chết, trói buộc sự tự do và tính hồn nhiên của con người, hoặc con đường được vạch ra hướng dẫn hành vi hoạt động của con người theo một phương hướng nhất định nào đó được lập đi lập lại, qua mọi thời đại. Chữ đạo trong đạo vợ chồng cũng không có nghĩa là bản thể hoặc bản nguyên của vạn vật.

Trong thiên nhiên vạn vật luôn luôn biến đổi không ngừng từng giây phút, trong lúc đó người nông dân lúc nào cũng uyển chuyển thích ứng với thiên nhiên, với môi trường sinh thái xã hội *nên dòng sống luôn sinh động*; tất cả quyện vào nhau *tạo thành một dòng sống tâm thức* hòa hợp giữa con người với thiên nhiên. Chính dòng sống tâm thức sinh động đó tác động

trở lại môi trường sinh thái xã hội *xây dựng nên tình nghĩa vợ chồng*, cho nên tình nghĩa của cặp vợ chồng này không giống với tình nghĩa của cặp vợ chồng kia.

“Đèn nhà ai nấy sáng”. Tình nghĩa vợ chồng không thể đúc thành khuôn vàng thước ngọc được. Cùng chung một nền văn hóa nhưng mỗi gia đình là một tổ ấm riêng, có ưu tư và hạnh phúc riêng, có nếp sinh hoạt và truyền thống gia phong, gia đạo riêng.

Tình sâu nghĩa nặng là tình yêu thương và nghĩa vụ thiêng liêng của hai vợ chồng trong gia đình, có giá trị phổ quát và vĩnh cửu. Đó là gốc rễ, là nội lực, là sức mạnh chủ yếu của gia đình Việt Nam.

Trai gái trong thôn xóm đến với nhau trước hết bằng tình cảm, bằng con tim mở rộng, bằng rung động hòa hợp giữa hai tâm hồn. Tình yêu đến không hỏi vì sao. Trai gái hò, hát, vui đùa, đối đáp, phô diễn tâm tư tình cảm, rồi *cảm nhau bằng tình yêu* chân thật, hồn nhiên trong sáng trong lòng thiên nhiên, nồng nàn, say đắm, cảm thấy sống không thể thiếu nhau, đồng thuận lấy nhau mà thành vợ thành chồng sinh con đẻ cái.

Người ta thường nói rằng *lúc trẻ sống với nhau vì tình, khi già sống với nhau vì nghĩa* (sống thuận lý theo thiên nhiên, được công nhận là hợp lẽ phải, đúng với đạo làm người): nghĩa vụ thiêng liêng làm chồng, làm cha, làm vợ, làm mẹ.

Trên góc độ hiện thực và nhân bản thì phải nói rằng lúc trẻ sống với nhau vì tình nghĩa, khi già *tình cảm thắm hoa*, sống với nhau bằng *tình nghĩa thủy chung* với đàn con cháu.

“*Tình nghĩa thủy chung*” quyện vào nhau thành một *khối chan hòa sinh động*, bất khả phân trong tinh thần không còn phân biệt vợ và chồng qua cách xưng hô có một không hai trên thế giới: vợ chồng xưng hô với nhau bằng “mình”.

Tinh thần không phân biệt giữa chủ thể và khách thể (vợ chồng xưng hô với nhau bằng mình), nét đặc thù này, chỉ thể hiện và hiện hữu trong nền giáo dục nhân bản tâm linh, phát triển từ cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời. Nền tảng của giáo dục nhân bản tâm linh khởi đầu từ con người cảm nhận Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên nhiên). Sự cảm nhận đó được truyền thừa hữu hiệu và sinh động, khởi từ người mẹ truyền cho thai nhi (thai giáo) và tiếp tục qua quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở từ lúc sơ sinh cho đến khi già chết.

Điều đó cho thấy *trong nếp sống* của nền văn minh khoa học kỹ thuật ngày nay. *Về già, người ta thường chia sẻ sự nồng nàn của tình cảm cho thú vật hơn là cho mái ấm gia đình và đàn con cháu.*

Trái lại, trong nền văn hóa Việt, văn hóa xóm làng cha mẹ, con cái vẫn sống hài hòa với nhau trong tình sâu nghĩa nặng.

“Tình sâu nghĩa nặng” phát xuất từ trái tim, đặc trưng của nhân tính. Lấy tình yêu thương mà sống với nhau (thương nhau củ ấu cũng tròn), lấy trí (cảm nhận sự vận chuyển của thiên nhiên) mà hiểu nhau trên nền tảng “một bồ cái lý không bằng một tí cái tình”; lấy cảm thông mà tôn trọng nhau, bao dung tha thứ (chín bỏ làm mười), lấy đạo lý mà bảo ban lẫn nhau (chồng khuyên vợ, vợ khuyên chồng).

Như vậy, có thể nói trong nền minh triết Việt hôn nhân là ứng dụng những bài học tự nhiên từ thiên nhiên (Thiên thư vô ngôn của Trời Đất) vào đời sống bằng sự cảm nhận và hiểu biết để sống, nên trong hôn nhân, lắng nghe và hiểu nhau (người bạn đời) đưa đến gắn bó là điều chủ yếu.

Trái lại, ở Trung Quốc, người ta quan niệm hôn nhân là thủ đắc, chiếm hữu nên không cần tôn trọng nhau, thể hiện nhân sinh quan “chồng chúa vợ tôi”, với lòng “trung thành”. Đó là dấu ấn của nền văn hóa gốc du mục.

Điều này cho thấy tổ tiên người Việt đã sống trọn vẹn với đạo (sống thuận lý với sự hài hòa giữa thiên nhiên, con người và môi trường sinh thái xã hội): đạo sống Việt. Ông cha chúng ta chỉ quan tâm đến việc xây dựng nếp sống thực (**đưa đạo vào đời**), luôn luôn cảm nhận Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất để *thích ứng với đời sống thực tế hiện tại*, chú trọng đến **phát triển tâm linh** (tình thương, trí tuệ, hài hòa, bao dung, vị tha...) chứ không gói ghém hạn hẹp cái thấy, cái biết chân xác nói riêng, cuộc sống nói chung trong những lý giải dong dài của chữ nghĩa, nghĩa là không hệ thống hóa chúng thành những hệ thống triết lý, triết học hay những khuôn mẫu đạo đức hoặc những giáo điều của các tổ chức tôn giáo như trong các nền văn hóa khác.

Tóm lại, tình nghĩa vợ chồng đặt trên nền tảng hổ tương, tương ứng của *tác động hai chiều* (có qua có lại mới toại lòng nhau) “*bình đẳng*” (công bằng là đạo người ta ở đời) và “*đồng thuận*”

*Thuận vợ thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn*

Hoặc:

*Đầu tôm nấu với ruột bầu,  
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.*

Hay:

*Vợ chồng cùng thổi nấu cơm  
Cùng ăn, nhào dẻo khê thơm sổng bùi.*

Yêu chồng say đắm đến mức có thể bỏ cả cha mẹ để theo chồng:

*Cha mẹ bú mớm nâng niu,  
Tội trời đành chịu, không yêu bằng chồng.  
Ai kêu ai hú bên sông,  
Mẹ gọi con dạ, có chồng phải theo.*

Lòng yêu thương giữa vợ chồng trước sau như một:

*Non non, nước nước khơi chùng,  
Ái ân đôi chữ xin đừng có quên.  
Tình sâu mong trả nghĩa đền,  
Đừng vui chốn khác mà quên chốn này.*

Vợ chồng từng chia sẻ vui buồn, sướng khổ, ngọt bùi, cùng nhau nương tựa, cùng nhau kiếm miếng ăn cho gia đình, tình nghĩa vợ chồng càng thêm thắm thiết:

*Rủ nhau xuống bể mò cua,  
Dem về nấu với mớ chua trên rùng.  
Em ơi chua ngọt đã từng,  
Non xanh nước biếc ta đừng quên nhau.*

Trai gái yêu nhau luôn luôn hướng đến xây dựng gia đình, sinh con đẻ cái, sống thuận lý theo sự vận hành tự nhiên như vạn vật muôn loài; và tương thông tương hợp giữa thiên nhiên, con người và môi trường xã hội.

Sự kiện thực tế đó đưa đến nhân sinh quan Trời - Người - Đất cùng một thể, với định hướng con người thăng hoa hòa cùng vũ trụ.

Trời đất là *thường hằng*, cuộc sống con người trên *hiện hữu*; cái ứng dụng của con người trong việc cảm nhận *Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất* được tới đâu thì *sự nhiệm màu của thiên nhiên* được trải dài tới đó. Nói cách khác cái biết của con người tới đâu thì vũ trụ được đặt tên tới đó. (Xem *Dưỡng Sinh Y Đạo Thái Hòa*, NXB Tủ Sách Việt Thường, năm 2004).

Cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước đã tạo cho dân tộc Việt Nam một cơ cấu xã hội khá đặc biệt. Cơ cấu ấy lấy *gia đình* làm đơn vị tâm lý phát triển nếp sống tình cảm và suy tư. Gia đình là môi trường trưởng dưỡng tình thương, là nền tảng của xã hội. Lấy xã thôn tự trị làm đơn vị hành chính phát triển sinh hoạt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tín ngưỡng (Trống làng nào làng ấy đánh, Thánh làng nào làng ấy thờ).

Kiến trúc xã hội Việt Nam xưa nay vốn chỉ xoay quanh hai đầu trục thực tại và thực tiễn ấy; gia đình và xã hội.

Người Việt Nam xem xã hội là gia đình được mở rộng thể hiện qua nếp sống coi *tất cả mọi người là người thân trong gia đình* qua cách xưng hô đầy thân thương: chú bác, cô dì, cậu mợ v.v... và v.v... và nhân sinh quan đó được huyền thoại hóa với hình ảnh “bọc trăm trứng”, trong ý nghĩa tất cả mọi người cùng chung một bọc tức cùng là anh chị em ruột thịt: “anh em cốt nhục đồng bào”.

Cuộc hôn nhân giữa Âu Cơ và Lạc Long là cuộc hôn nhân biểu tượng cho quan niệm:

1. Tự do luyến ái (tự do chọn người bạn đời) để xây dựng mái ấm gia đình.
2. Hôn nhân bình đẳng (Âu Cơ và Lạc Long cùng sánh vai trong biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng).
3. Gia đình phân công (Âu Cơ phá rừng, lập ấp ở vùng đồi núi; Lạc Long khẩn hoang phát triển vùng ven biển).
4. Phân công, phân nhiệm để phát triển nhưng khi có việc thì cùng nghe không được bỏ nhau (niềm tin yêu bền vững giữa vợ chồng).

*Vĩnh Như*  
*Tủ Sách Việt Thường*  
[www.tusachvietthuong.org](http://www.tusachvietthuong.org)